

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: ~~1289~~ /2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2020
 Hanoi, 23 December 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
 To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **22/12/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
 Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,970	5.6%
2	BID	220	0.7%
3	BVH	100	0.4%
4	CII	260	0.3%
5	CTD	50	0.2%
6	CTG	1,020	2.3%
7	DXG	610	0.6%
8	EIB	1,440	1.7%
9	FLC	780	0.2%
10	FPT	860	3.2%
11	GAS	130	0.7%
12	GEX	480	0.7%
13	GMD	340	0.8%
14	HCM	160	0.3%
15	HDB	1,530	2.5%
16	HPG	2,500	6.3%



ml

17	HSG	420	0.6%
18	KBC	450	0.6%
19	KDH	500	0.9%
20	MBB	2,280	3.5%
21	MSN	560	3.1%
22	MWG	400	3.0%
23	NLG	200	0.4%
24	NVL	470	2.0%
25	PDR	210	0.6%
26	PHR	60	0.3%
27	PLX	180	0.6%
28	PNJ	240	1.2%
29	POW	640	0.5%
30	PVD	290	0.3%
31	PVS	300	0.3%
32	REE	190	0.6%
33	ROS	770	0.1%
34	SAB	90	1.2%
35	SBT	320	0.4%
36	SHB	1,800	2.1%
37	SSI	490	0.9%
38	STB	2,360	2.6%
39	TCB	3,370	6.5%
40	TCH	260	0.3%
41	VCB	560	3.6%
42	VCS	100	0.5%
43	VHC	110	0.3%
44	VHM	1,130	6.4%
45	VIC	1,340	9.3%
46	VJC	360	3.0%
47	VNM	1,220	8.9%
48	VPB	2,350	5.1%
49	VPI	100	0.2%
50	VRE	1,240	2.5%
II	Tiền/Cash (VND)	13,704,269	

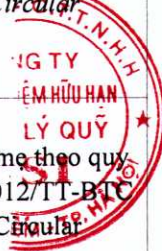
- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,514,945,400 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,528,649,669 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	13,704,269 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	57,100	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	28,650	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	98,900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	28,950	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
5	EIB	18,400	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	57,500	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	23,250	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



Handwritten signature

8	MWG	116,200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	REE	47,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	PNJ	77,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	TCB	29,400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	33,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 22/12/2020	Kỳ trước/Last Period 21/12/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13,500,000	13,500,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	15,600	15,500	100
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	206,367,705,392	203,466,671,598	2,901,033,794
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,528,649,669	1,507,160,530	21,489,139
của 1 CCQ/ per Share	15,286.49	15,071.60	214.89
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,737.76	1,733.29	4.47



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC